

Bản án số: 224/2023/HS-ST
Ngày: 17-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạ;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 195/2023/TLST- HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/HSST-QĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh năm 1971 tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1932 và bà Đỗ Thị V, sinh năm: 1928; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 28/02/2023 cho đến nay. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị hại: Trần Thị Tú T, sinh năm 1988; nơi đăng ký HKTT: 55, ấp Long Quới 1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 02/A13, Khu phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Kiều Việt T, sinh năm: 1987; thường trú: Khu 8, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ; trú tại: Đường số 4, Khu phố 6, Tổ 12, phường B, thành phố T, Thành phố H, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Nguyễn Thị Tuyết V; nơi cư trú: 163/89 cách mạng tháng 8, Khu phố 3, phường H, thành Phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Người làm chứng: Nông Trần L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/02/2023, Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô màu đỏ đen, biển số: 60F1 – 344.36 chạy đến cửa hàng mua bán vải của bà Trần Thị Tú Tr, để mua vải thô về gia công. Tại đây, Đ nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10, màu xanh của bà Trinh đang để trên đống vải tại cửa hàng không ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lúc này Đ ngồi xuống cạnh vị trí điện thoại, dùng tay trái lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên trái của mình cất giấu rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Đ điều khiển xe mô tô chạy đến cửa hàng điện thoại di động Thái An gặp ông Kiều Việt T chủ cửa hàng bán chiếc điện thoại với giá 400.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, bà Tr phát hiện điện thoại di động đã bị mất, kiểm tra camera thì thấy Đ lấy nên đến Công an phường An Phú trình báo sự việc. Quá trình điều tra Lê Văn Đ thừa nhận hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Samsung Note 10 màu xanh; số tiền 200.000 đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu MAGIC màu đỏ đen, biển số: 60F1 – 344.36 số máy VMVA1CD001566, số khung RLGMB11CD001566; 01 (một) USB màu trắng, nhãn hiệu DTSE 9, 64GB chứa dữ liệu hình ảnh camera ghi nhận vụ Trộm cắp tài sản.

Tại Biên bản định giá và Bản kết luận định giá tài sản ngày 06/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thuận An xác định: 01 điện thoại di động Samsung Note 10 màu xanh trị giá 5.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 206/CT-VKS-TA ngày 23-06-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Đối với ông Kiều Việt T tại quá trình điều tra ông T yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường số tiền 400.000 đồng tiền mua điện thoại, tuy nhiên trong quá trình tố tụng ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10 màu xanh xác định là tài sản của bà Trần Thị Tú Tr, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T.

- Đối với xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu MAGIC màu đỏ đen, biển số: 60F1 – 344.36 số máy VMVA1CD001566, số khung RLGB11CD001566, do Lê Văn Đ mua của một thanh niên không rõ nhân thân lai lịch với giá 3.000.000 đồng không làm thủ tục sang tên theo quy định. Qua kết quả xác minh xe do bà Nguyễn Thị Tuyết V đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên hiện nay bà V không có ở nơi cư trú và không xác định đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn chưa có người đến liên hệ giải quyết nên cần giao lại chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh xử lý theo quy định.

Số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ tiền bán điện thoại do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) USB màu trắng, nhãn hiệu DTSE 9, 64GB chứa dữ liệu hình ảnh camera ghi nhận sự việc tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

Đối với ông Kiều Việt T đã mua điện thoại di động của bị cáo Lê Văn Đ, ông T không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An không xử lý.

Tại hồ sơ vụ án bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, đơn được Nhà tạm giữ công an thành phố Thuận An xác nhận. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của bị cáo, việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử phù hợp với điểm c, d khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, xét xử vụ án và trong nội dung đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Trong bản tự khai ngày 01/3/2023; 20/3/2023 (BL 85 đến BL 86) và các Biên bản ghi lời khai vào các ngày 28/02/2023; 09/3/2023; 01/3/2023 (BL 77 đến BL 82); Biên bản hỏi cung bị can ngày 12/3/2023 (BL 83 đến BL 84)...Bị cáo Lê Văn Đ đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/02/2023, tại cửa hàng mua bán vải địa chỉ số 02/A13, khu phố 3, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Văn Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động Samsung Note 10 màu xanh tổng trị giá 5.000.000 đồng của bị hại Trần Thị Tú Tr. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn tài sản đã thu hồi giao trả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Tại tờ khai Chứng minh nhân dân (Bút lục 72, 73); công văn số 226/PC06(Đ) của Phòng cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an tỉnh Thanh Hóa ngày 27/3/2023 (Bút lục 71) thể hiện bị cáo Lê Văn Đ, sinh ngày 08/5/1975. Tuy nhiên, tại Thông báo định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Công an xã Hà Bắc (Bút lục 76); Lý lịch bị can (Bút lục 109); Danh bản, chỉ bản thể hiện bị cáo Lê Văn Đ, sinh ngày 04/4/1971. Do ngày, tháng, năm sinh bị cáo Lê Văn Đ không trùng khớp nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã tiến hành giám định về nhân thân lý lịch bị cáo, theo kết luận giám định số 368/KL-KTHS(ĐV) ngày 07/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương kết luận: Dấu vân tay in trên “Danh bản”, “Chỉ bản” và dấu vân tay trên chứng minh nhân dân là cùng một người in ra. Theo Thông báo định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Ủy ban nhân dân xã Hà Bắc, tỉnh Thanh Hóa

xác nhận bị cáo Lê Văn Đ, sinh ngày 04/4/1971. Do đó đủ cơ sở xác nhận bị cáo Lê Văn Đ, sinh ngày 04/4/1971 là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét. Đối với ông Kiều Việt T yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường số tiền 400.000 đồng tiền mua điện thoại, tuy nhiên trong quá trình tố tụng ông Thắng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10 màu xanh xác định là tài sản của bà Trần Thị Tú Tr, Cơ quan an cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã trả lại cho bà Tr là có căn cứ.

- Đối với xe mô tô, nhãn hiệu MAGIC màu đỏ đen, biển số: 60F1 – 344.36 số máy VMVA1CD001566, số khung RLGMB11CD001566, do Lê Văn Đ mua của một thanh niên không rõ nhân thân lai lịch không làm thủ tục sang tên theo quy định. Qua kết quả xác minh xe do bà Nguyễn Thị Tuyết V đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên hiện nay bà V không có ở nơi cư trú và không xác định đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn chưa có người đến liên hệ giải quyết. Xét thấy, từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa chưa đủ chứng cứ chứng minh ai là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên nên cần giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xe để có cơ sở giải quyết theo quy định pháp luật.

[10] Số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ là số tiền bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[11] 01 (một) USB màu trắng, nhãn hiệu DTSE 9, 64GB chứa dữ liệu hình ảnh camera ghi nhận sự việc tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

[12] Đối với ông Kiều Việt T mua điện thoại của bị cáo Lê Văn Đ, ông T không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An không xử lý là có căn cứ.

[13] Lời đề nghị mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[14] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

- Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu MAGIC màu đỏ đen, biển số: 60F1 – 344.36 số máy VMVA1CD001566, số khung RLGMB11CD001566 để tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xe và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng tài sản ngày 26/6/2023 và Ủy nhiệm chi ngày 28/6/2023).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thuận An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh